

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-BTC ngày 21/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 77/TTr-SXD ngày 15/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng; UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm yết, công khai, kịp thời giải quyết thủ tục hành chính phục vụ tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Tuo*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Xây dựng;
 - Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Khoa học và Công nghệ;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, HCC.
- Tungnt. QĐ/T5/2025

h



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1008.../QĐ-UBND ngày 11 tháng 5... năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I		Lĩnh vực đường bộ					
1	1	1.001751.000.00.00.H55	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
2	2	1.001623.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
3	3	2.002286.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
							từ “Sở Xây dựng”
4	4	2.002288.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
5	5	1.002861.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
6	6	1.002856.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
7	7	1.000703.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
8	8	1.004993.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
9	9	1.005210.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
10	10	1.002046.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
11	11	1.010707.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
12	12	1.001737.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
13	13	2.002287.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
14	14	2.002285.000.00.00.H55	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
15	15	1.001577.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
16	16	1.001023.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
17	17	1.002063.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
18	18	1.002877.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
19	19	1.000660.000.00.00.H55	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
20	20	1.000672.000.00.00.H55	Công bố lại bến xe khách	Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
21	21	1.002286.000.00.00.H55	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
22	22	1.002268.000.00.00.H55	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
23	23	2.000769.000.00.00.H55	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
24	24	1.001777.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
25	25	1.001765.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
26	26	1.005024.000.00.00.H55	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
27	27	2.002286.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
28	28	2.001921.000.00.00.H55	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp bộ, cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
29	29	1.000028.000.00.00.H55	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp bộ, cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
30	30	1.000314.000.00.00.H55	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của	Cấp bộ, cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
31	31	1.013061.H55	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Khu Quản lý đường bộ; Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
32	32	1.013274.H55	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Khu Quản lý đường bộ; Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
33	33	1.013276.H55	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
							từ “Sở Xây dựng”
II		Lĩnh vực thủy nội địa					
34	1	1.009444.000.00.00.H55	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
35	2	2.001659.000.00.00.H55	Xóa đăng ký phương tiện	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
36	3	1.009447.000.00.00.H55	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
37	4	1.003135.000.00.00.H55	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
38	5	1.004088.000.00.00.H55	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
39	6	1.004047.000.00.00.H55	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
40	7	1.004036.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
41	8	2.001711.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
42	9	1.004002.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
43	10	1.003970.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
44	11	1.003930.000.00.00.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
45	12	1.006391.000.00.00.H55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Tỉnh, cấp Huyện	Sở Xây dựng; UBND huyện, thành phố	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
46	13	2.001219.H55	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 05/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
47	14	1.009456.H55	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
48	15	1.009449.000.00.00.H55	Công bố hoạt động khu neo đậu	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
49	16	1.009450.000.00.00.H55	Công bố đóng khu neo đậu	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
50	17	1.009443.000.00.00.H55	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
51	18	1.009458.000.00.00.H55	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
52	19	1.009448.000.00.00.H55	Thiết lập khu neo đậu	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
53	20	1.009445.000.00.00.H55	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
54	21	1.009446.000.00.00.H55	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
55	22	2.001998.000.00.00.H55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
56	23	2.002001.000.00.00.H55	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
57	24	1.004242.000.00.00.H55	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Quyết định 475/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
58	25	1.005021.000.00.00.H55	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
59	26	1.005024.000.00.00.H55	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
60	27	1.005091.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
61	28	1.001284.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
62	29	1.009459.000.00.00.H55	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
63	30	1.009463.000.00.00.H55	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
64	31	1.000344.000.00.00.H55	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
65	32	1.009461.000.00.00.H55	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
66	33	1.009464.000.00.00.H55	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
67	34	1.009465.000.00.00.H55	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
68	35	1.009460.000.00.00.H55	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
69	36	1.009451.000.00.00.H55	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
III Lĩnh vực Đăng kiểm							
70	1	1.001296.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
71	2	1.001322.H55	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
72	3	1.001284.000.00.00.H55	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Đơn vị đăng kiểm	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
73	4	1.005091.000.00.00.H55	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Đơn vị đăng kiểm	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
74	5	1.013105.H55	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng”
75	6	1.013110.H55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ “Sở Giao thông vận tải”

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
				Chủ tịch UBND tỉnh			bằng cụm từ "Sở Xây dựng"
IV		Lĩnh vực Đường sắt					
76	1	1.004691.000.00.00.H55	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng	Thay cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" bằng cụm từ "Bộ Xây dựng"